

XÂY DỰNG MÔ HÌNH “3 XÂY - 3 CHỐNG - 3 LAN TỎA” TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO HỌC SINH KHỐI LỚP 4 VÀ 5 TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM, PHƯỜNG MỸ NGÃI, TỈNH ĐỒNG THÁP

NGUYỄN ĐỨC DUY
Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, tỉnh Đồng Tháp
NGUYỄN THUẬN QUÝ
Trường Đại học Đồng Tháp
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Phòng Văn hóa - Xã hội phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Nhận bài ngày 20/7/2026. Sửa chữa xong 20/8/2026. Duyệt đăng 24/8/2026.

Abstract

This study presents the “Three Builds–Three Prevents–Three Spreads” model implemented for 205 fourth- and fifth-grade students at Nguyen Binh Khiem Primary School, My Ngai Ward, Dong Thap Province, during the 2025–2026 academic year. The model focuses on developing students’ value foundations and digital competencies while strengthening school–family collaboration. The findings indicate that the model can be integrated into academic subjects, experiential activities, class meetings, and Young Pioneer activities without requiring a separate curriculum. Its straightforward implementation process, adaptability to different age groups, and flexibility in accommodating individual school conditions suggest strong potential for broader application.

Keywords: Digital citizenship, digital transformation, family–school collaboration, online safety, primary school students, school culture.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang làm thay đổi việc tiếp cận tri thức, giao tiếp và hình thành thói quen hằng ngày ở học sinh (HS) tiểu học. Điện thoại thông minh, máy tính bảng, nền tảng video ngắn, trò chơi trực tuyến và các nhóm trao đổi trên môi trường mạng đã trở thành một phần trong đời sống của mỗi gia đình. Chủ trương chuyển đổi số quốc gia xác định người dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng thụ hưởng của quá trình chuyển đổi này, trong đó giáo dục có nhiệm vụ chuẩn bị năng lực số và môi trường học tập thích ứng (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Cùng với đó, Quyết định số 131/QĐ-TTg nhấn mạnh việc lấy người học và nhà giáo làm trung tâm; phát triển học liệu số, quản trị số và năng lực sử dụng công nghệ an toàn, hiệu quả (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Việc tổ chức tại các trường học trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thực hiện theo các kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh và ngành Giáo dục Đồng Tháp (Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, 2025, 2026; Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp, 2025). UNESCO nhấn mạnh giáo viên không chỉ sử dụng công nghệ mà còn phải hướng dẫn người học sử dụng công nghệ có trách nhiệm (UNESCO, 2018). Qua quan sát ban đầu HS khối lớp 4 và 5 tại Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm cho thấy một số biểu hiện của HS cần được quan tâm như: HS xem nội dung theo gợi ý tự động mà không chú ý nguồn; dễ tin nội dung có hình ảnh hấp dẫn; có em biết không nên cung cấp mật khẩu nhưng chưa nhận diện đầy đủ những dữ liệu riêng tư khác; việc xin phép trước khi đăng hình ảnh của bạn chưa thành thói quen; một số em dùng ngôn ngữ bắt chước trên mạng trong giao tiếp; phụ huynh (PH) có cách quản lý thiết bị khác nhau, từ buông lỏng đến cấm hoàn toàn. Từ thực tế đó, nhóm tác giả thực hiện giải pháp xây dựng mô hình “3 xây - 3 chống - 3 lan tỏa” và được triển khai từ tháng 01/2026 đến tháng 5/2026 cho 205 HS khối lớp 4 và lớp 5. Theo Khung năng lực số DigComp 2.2, năng lực số

Email: ntquy@dthu.edu.vn

của công dân bao gồm khả năng xử lý thông tin, giao tiếp, sáng tạo nội dung, bảo đảm an toàn và giải quyết vấn đề trong môi trường số (Vuorikari et al., 2022). Bên cạnh đó, UNESCO xác định năng lực số của người học bao gồm khả năng truy cập, đánh giá, sử dụng và tạo lập thông tin số một cách hiệu quả, an toàn và có trách nhiệm (Law et al., 2018). Tên gọi của mô hình được sử dụng như một khung tổ chức, mỗi thành tố được chuyển thành hành vi HS có thể thực hiện, giáo viên (GV) tổ chức hoạt động tại trường, PH có thể phối hợp. Nghiên cứu hướng đến các mục tiêu: 1) Xây dựng cấu trúc mô hình phù hợp với nhận thức và hoạt động học tập của HS khối lớp 4 và 5; 2) Tổ chức thử nghiệm bước đầu mô hình trong các hoạt động giáo dục hiện có của nhà trường; 3) Phân tích kết quả, điều kiện bảo đảm, hạn chế và bài học kinh nghiệm để có thể tiếp tục áp dụng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bảng 1: Đối tượng nghiên cứu và vai trò tham gia trong Mô hình

Khối	Số lớp	Số HS	Vai trò trong triển khai
Lớp 4	4	106	Thực hành quy tắc bằng tranh, thẻ lựa chọn, đóng vai và sản phẩm ngắn
Lớp 5	4	99	Phân tích dấu hiệu, giải thích lựa chọn, kiểm tra nguồn và tạo sản phẩm nhóm

Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

Khảo sát tình huống đầu vào và cuối đợt bằng câu hỏi ngắn, tập trung vào lựa chọn của HS trong các tình huống thường gặp như: nhận diện đường link lạ, bị hỏi mật khẩu, khi đọc thông tin gây sốc, khi muốn đăng ảnh bạn hoặc chứng kiến lời bình luận xúc phạm, các câu hỏi không yêu cầu HS khai báo tài khoản hoặc nội dung riêng tư. Các câu hỏi ghi nhận những biểu hiện có thể quan sát như HS có dừng lại trước nội dung lạ hay không; có biết hỏi người lớn đáng tin cậy; có nêu được dấu hiệu cần kiểm tra; có bảo vệ thông tin cá nhân; có xin phép khi sử dụng hình ảnh của người khác; có dùng ngôn ngữ tôn trọng; có biết báo cáo hành vi bất nạt,... Dữ liệu định lượng chỉ được sử dụng ở mức mô tả quy mô tham gia và mức độ hoàn thành hoạt động theo hồ sơ lớp. Do không có nhóm đối chứng, thời gian triển khai ngắn và các lớp có điều kiện thiết bị không hoàn toàn đồng nhất, nghiên cứu không sử dụng kiểm định suy luận để khẳng định tác động nhân quả.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở xây dựng mô hình

Tích hợp nội dung phù hợp vào chương trình Khối lớp 4 và 5 ở các môn Đạo đức, Tin học, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ và hoạt động Đội, không tạo thêm chương trình riêng lẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Các khái niệm khó đánh giá như “bản lĩnh”, “văn hóa số”, “tự đề kháng”, “trách nhiệm” nên chỉ dựa trên hành vi để quan sát của HS như: không vội tin hoặc phản ứng ngay khi gặp nội dung gây sốc; biết hỏi cha mẹ, thầy cô hoặc người đáng tin cậy; không chia sẻ, chuyển tiếp những thông tin chưa được kiểm chứng. Theo Choi (2016), công dân số không chỉ bao gồm khả năng sử dụng công nghệ mà còn liên quan đến trách nhiệm xã hội, đạo đức, sự tham gia tích cực và khả năng tương tác có trách nhiệm trong môi trường trực tuyến. Cần có sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình để nguyên tắc và hành vi của HS được duy trì bền vững. UNICEF (2017) cho rằng trẻ em trong môi trường số cần được bảo vệ đồng thời với việc tạo cơ hội tiếp cận công nghệ; gia đình và nhà trường giữ vai trò quan trọng trong hướng dẫn trẻ sử dụng Internet an toàn.

Bảng 2: Nội dung vận hành và hành vi HS cần thể hiện trong mỗi thành tố của Mô hình

Thành tố	Nội dung vận hành	Hành vi HS cần thể hiện
3 xây	- Xây nền tảng giá trị và văn hóa học đường - Xây phối hợp nhà trường - gia đình - Xây năng lực số và thói quen kiểm chứng thông tin	Biết tôn trọng, trung thực, trách nhiệm và hợp tác; Chủ động phối hợp với PH, GV trong sử dụng thiết bị số; Biết kiểm tra, đối chiếu và hỏi người tin; Từ chối và báo người lớn khi gặp nguy cơ trên môi trường mạng.
3 chống	- Chống thông tin chưa kiểm chứng - Chống ứng xử lệch chuẩn, bất nạt - Chống sử dụng thiếu kiểm soát, lộ dữ liệu	Không chia sẻ vội; không xúc phạm hoặc cổ vũ; bảo vệ dữ liệu, biết từ chối và báo người lớn.

3 lan tòa	- Lan tòa câu chuyện tích cực - Lan tòa tấm gương tốt, sản phẩm lành mạnh - Lan tòa trách nhiệm đến gia đình	Kể, viết, vẽ, trình bày nội dung đúng; ghi nhận việc tốt; thực hành cùng gia đình.
-----------	--	--

Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

3.2. Quy trình triển khai

Bảng 3: Quy trình triển khai cho HS Khối lớp 4 và 5

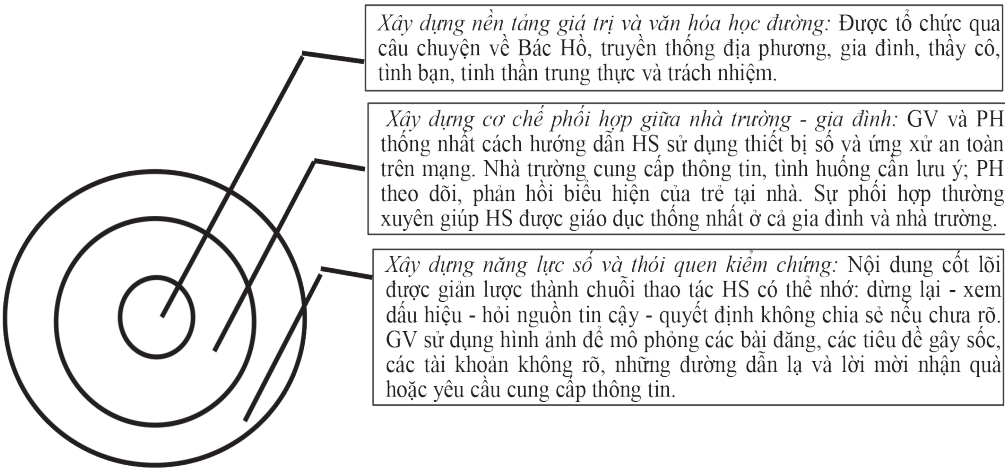
Thời gian	Nội dung trọng tâm	Hoạt động chính	Minh chứng
01/2026	Khảo sát	Tình hướng đầu vào, thống nhất tiêu chí	Phiếu tình hướng, danh mục hành vi
02/2026	3 xây	Tích hợp môn học, góc quy tắc số, hướng dẫn PH	Ảnh/góc quy tắc, phiếu gia đình
3/2026	3 chống	Đóng vai và xử lý tình huống tin giả, dữ liệu, bắt nạt, đường dẫn lạ	Phiếu xử lý, bảng quan sát
4/2026	3 lan tỏa	Tranh, bài kể, sản phẩm nhóm	Sản phẩm trong các tiết học
5/2026	Củng cố	Tình hướng cuối đợt, đối chiếu quan sát, phản hồi	Phiếu cuối đợt, nhận xét

Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

3.3. Nội dung mô hình

3.3.1. Cấu trúc “3 xây”

Hình 1: Cấu trúc và cách thực hiện cấu trúc “3 xây”



Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

3.3.2. Cấu trúc “3 chống”

Bảng 4: Cấu trúc và cách thực hiện cấu trúc “3 chống”

Nội dung chống	Cách thực hiện
Chống tiếp nhận và chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng	- Nhà trường sử dụng quy tắc “3 dừng”: dừng xem nội dung gây sốc, kích động hoặc yêu cầu thao tác gấp; dừng chia sẻ khi chưa biết nguồn; dừng và hỏi người lớn đáng tin cậy. - Quy tắc này được lặp lại trong môn Tin học, sinh hoạt lớp và các tình huống phát sinh.
Chống ứng xử lệch chuẩn, xúc phạm và bắt nạt trên môi trường số	HS được học cách nhận diện lời trêu đùa gây tổn thương, ghép ảnh, đặt biệt danh, loại bạn khỏi nhóm, phát tán hình ảnh riêng tư, bình luận công kích hoặc ép bạn làm điều không muốn. Nội dung này được tích hợp trong môn Đạo đức, tiếng Việt, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ và hoạt động Đội.
Chống sử dụng thiết bị số thiếu kiểm soát và xâm phạm dữ liệu cá nhân	Giúp HS hiểu giới hạn sử dụng thiết bị số. Các em nhận diện dữ liệu cá nhân gồm họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, trường lớp, lịch trình, hình ảnh giấy tờ, mặt khẩu, mã xác nhận, vị trí và hình ảnh riêng tư. Nội dung này được tích hợp trong môn Tin học, sinh hoạt lớp.

Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

3.3.3. Cấu trúc “3 lan tỏa”

Bảng 5: Cấu trúc và cách thực hiện cấu trúc “3 lan tỏa”

Nội dung lan tỏa	Cách thực hiện
Lan tỏa câu chuyện, nội dung tích cực	Giáo viên chủ nhiệm lựa chọn những câu chuyện phù hợp về Bác Hồ, lịch sử, quê hương Đồng Tháp, nét đẹp gia đình, thầy cô, bạn bè, ý thức giữ gìn trường lớp và tinh thần giúp đỡ người khác. Nội dung này được tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.
Lan tỏa gương tốt và sản phẩm số	Mỗi lớp chọn các việc làm cụ thể để ghi nhận: giúp bạn kiểm tra nguồn, nhắc bạn không chia sẻ ảnh khi chưa xin phép, báo người lớn về đường link lạ, sử dụng lời nói lịch sự,..
Lan tỏa trách nhiệm đến gia đình	GV chủ nhiệm các lớp gửi HS mang về nhà các phiếu thảo luận ngắn và người thân cùng thống nhất một quy tắc sử dụng thiết bị số hoặc cùng kiểm tra một nguồn tin. PH được mời phản hồi tình huống thực tế, nhưng không buộc công khai chuyện riêng của trẻ.

Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

3.4. Kết quả triển khai và thảo luận

3.4.1. Kết quả về mức độ tham gia và khả năng tích hợp

Mô hình được triển khai trên toàn bộ 8 lớp thuộc hai khối theo hướng tích hợp đạt hiệu quả, giúp mọi HS đều được tiếp cận. Hồ sơ lớp cho thấy các hoạt động vẫn có thể được tổ chức khi không có đủ thiết bị cho từng HS. Một lớp có thể dùng màn hình để trình chiếu tình huống; lớp khác dùng thẻ giấy hoặc GV đọc nội dung. Sản phẩm có thể là video nhưng cũng có thể là tranh, bảng kiểm hoặc lời trình bày.

3.4.2. Chuyển biến ở học sinh

Ghi chép của GV ở cuối đợt cho thấy một số HS đã biết trình bày lần lượt các bước xử lý khi gặp nội dung lạ trên môi trường số. Tuy nhiên, do việc ghi nhận chưa được thực hiện bằng một thang đo thống nhất ở tất cả các lớp, kết quả này mới phản ánh xu hướng quan sát tại trường. Về bảo vệ dữ liệu cá nhân, HS quan tâm giữ riêng mật khẩu cho mình. Trong tình huống đăng ảnh, các em biết đặt câu hỏi về sự đồng ý của người có trong ảnh. Về ứng xử, HS phân biệt tốt hơn giữa lời đùa vui được cả hai bên chấp nhận và lời trêu chọc làm người khác tổn thương. Kết quả này phù hợp với quan điểm về năng lực toàn cầu của OECD, trong đó nhấn mạnh khả năng tương tác tôn trọng, đánh giá thông tin và hành động có trách nhiệm trong xã hội hiện đại (OECD, 2018). Trong tình huống nhóm lớp có bình luận xúc phạm, lựa chọn “không tham gia, hỗ trợ bạn và báo người lớn” xuất hiện nhất quán hơn. HS cũng hiểu rằng việc chuyển tiếp ảnh chế hoặc chụp lại bình luận để phát tán có thể làm sự việc căng thẳng hơn. Về khả năng tạo nội dung tích cực, HS lớp 5 có ưu thế trong việc lập kịch bản, kiểm tra thông tin và phân công nhóm; HS lớp 4 thể hiện tốt qua tranh, câu chuyện ngắn và thông điệp một câu.

Bảng 6: Chuyển biến của HS sau khi áp dụng Mô hình

Nội dung theo dõi	Biểu hiện đầu đợt thường gặp	Biểu hiện được ghi nhận rõ hơn cuối đợt
Tiếp nhận thông tin	Dễ dựa vào người gửi, lướt xem hoặc hình ảnh hấp dẫn	Biết dừng, xem dấu hiệu, hỏi nguồn đáng tin cậy trước khi chia sẻ
Dữ liệu cá nhân	Chủ yếu chỉ nhớ không cho mật khẩu	Nhận diện thêm địa chỉ, trường lớp, vị trí, mã xác nhận, giấy tờ và hình ảnh riêng tư
Chia sẻ hình ảnh	Chưa xem việc xin phép là yêu cầu bước bắt buộc	Biết hỏi sự đồng ý và cân nhắc phạm vi chia sẻ
Ứng xử trực tuyến	Dễ xem lời trêu chọc là bình thường hoặc tham gia theo nhóm	Biết không cổ vũ, hỗ trợ bạn, báo người lớn
Tạo nội dung	Chủ yếu tiếp nhận nội dung có sẵn	Có thể tạo tranh, thông điệp, bài kể tích cực theo tiêu chí an toàn

Nguồn: Tác giả, tháng 5/2026

3.4.3. Chuyển biến ở giáo viên và cơ chế phối hợp

Giáo viên chuyển dần từ nhắc nhở chung như “các em phải dùng mạng an toàn” sang sử dụng tình huống và tiêu chí hành vi như “dấu hiệu nào khiến em cần dừng lại?”, “em sẽ hỏi ai?”, “nếu đã lỡ chia sẻ thì cần làm gì?”, giúp GV các lớp có cách dùng tương đối đồng nhất, giảm phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân. Trong các ý kiến của GV ghi nhận được, một số PH cho rằng hướng dẫn ngắn và tình huống cụ thể thuận

tiện hơn khi áp dụng tại gia đình. Những nội dung được quan tâm nhiều là thời gian sử dụng và cách nói chuyện khi trẻ gặp sự việc. Một bài học quan trọng là không yêu cầu PH có cùng trình độ công nghệ.

3.4.4. Giá trị của mô hình đối với quản lý nhà trường

Mô hình cung cấp một khung chung để nhà trường kết nối các hoạt động đã có trước đây nhưng còn rời rạc, không thường xuyên như: giáo dục đạo đức, an toàn mạng, phòng chống bạo lực... Mô hình cũng làm rõ mối quan hệ giữa chuyển đổi số và giáo dục giá trị. Công nghệ không tự tạo ra văn hóa số bởi vì nếu HS có kỹ năng sử dụng ứng dụng nhưng thiếu trung thực, thiếu tôn trọng và không kiểm soát cảm xúc, nguy cơ vẫn tồn tại. Ngược lại, giáo dục đạo đức nếu không đặt vào tình huống số sẽ bỏ sót một phần môi trường sống của trẻ.

3.4.5. Những hạn chế

Nghiên cứu được thực hiện trong 05 tháng và tại một trường tiểu học cho HS Khối lớp 4 và Khối lớp 5, vì vậy kết quả phản ánh tính khả thi trong bối cảnh cụ thể, chưa đủ để khái quát cho các trường tiểu học khác. Nghiên cứu không có nhóm đối chứng, một phần dữ liệu dựa trên quan sát của GV và phản hồi của PH nên có thể mang tính của chủ quan. Điều kiện thiết bị, thói quen gia đình và cơ hội sử dụng mạng Internet của HS không đồng nhất. Những hạn chế trên cho thấy giai đoạn tiếp theo cần xây dựng bộ công cụ theo dõi ổn định hơn, lưu dữ liệu trước - sau theo từng tiêu chí, có đối chiếu giữa GV, HS và PH (Vuorikari et al., 2022). Nhà trường cũng cần có quy trình hỗ trợ khi xuất hiện vụ việc thật, gồm tiếp nhận, bảo mật thông tin, phối hợp gia đình, tư vấn tâm lý khi cần và xử lý truyền thông.

3.5. Giải pháp hoàn thiện và bài học kinh nghiệm

Chuẩn hóa mục tiêu và đánh giá bằng hành vi cụ thể: Các mục tiêu giáo dục cần được chuyển thành những hành vi cụ thể, có thể quan sát, hướng dẫn và đánh giá. Nhà trường cần xây dựng bộ hành vi cốt lõi dùng chung cho HS Khối lớp 4 và Khối lớp 5, gồm những nội dung đã triển khai với 03 mức đáp ứng của HS: 1) Chưa thể hiện; 2) Thể hiện khi được gợi ý; 3) Chủ động thể hiện. Mỗi học kỳ, GV lựa chọn một số tình huống đại diện để đánh giá lại để có cơ sở điều chỉnh.

Tích hợp thường xuyên và duy trì thành quy trình của nhà trường: Tổ chuyên môn cần xây dựng ma trận tích hợp, xác định môn học và hoạt động phù hợp với từng nội dung (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Các nội dung này cần được đưa vào kế hoạch năm học, kế hoạch chủ nhiệm, hoạt động Đội và chương trình phối hợp với PH. Đầu năm, nhà trường khảo sát những tình huống HS thường gặp và thống nhất quy tắc ứng xử. Cuối mỗi học kỳ, GV đánh giá hành vi, ghi nhận khó khăn và điều chỉnh nội dung cho phù hợp với thực tế.

Phân hóa yêu cầu giữa HS Khối lớp 4 và Khối lớp 5: Phù hợp với đặc điểm nhận thức và khả năng xử lý tình huống của từng khối lớp. HS Khối lớp 5 có thể thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn HS khối lớp 4 nhưng không tách thành hai chương trình riêng biệt mà theo hướng đồng tâm mở rộng. Nhà trường có thể sử dụng cùng một chủ đề nhưng điều chỉnh mức độ khó, yêu cầu sản phẩm và mức độ tự chủ của HS.

Xây dựng và cập nhật kho tình huống dùng chung: Để GV sử dụng thống nhất trong các môn học, tiết sinh hoạt lớp và hoạt động trải nghiệm. Nội dung tình huống cần xuất phát từ những vấn đề HS thường gặp, mỗi tình huống có thể bao gồm: 1) Bối cảnh xảy ra sự việc; 2) Dấu hiệu cần chú ý; 3) Các lựa chọn xử lý; 4) Câu hỏi mở rộng để HS giải thích quyết định của mình. Sau mỗi học kỳ, GV cần bổ sung những tình huống mới, loại bỏ nội dung không còn phù hợp và ghi nhận cách xử lý hiệu quả để chia sẻ trong toàn trường.

Phối hợp với PH theo hướng hỗ trợ và đồng hành: Giúp tập trung vào việc hướng dẫn HS thực hành, thay cho việc trước đây chỉ cảnh báo nguy cơ hoặc kiểm soát trẻ quá mức. Mỗi tháng, nhà trường có thể gửi cho PH một nội dung ngắn, dễ áp dụng; cách kiểm tra ứng dụng; nguyên tắc đăng ảnh của trẻ; dấu hiệu trẻ bị làm phiền, bắt nạt hoặc lệ thuộc thiết bị. Nhà trường có thể hướng dẫn PH cách phản hồi khi trẻ chủ động báo một sự việc có nguy cơ mất an toàn.

Nêu gương và sử dụng kênh thông tin chính thức có trách nhiệm: GV và PH cùng thực hiện nhất quán những hành vi mà HS được yêu cầu tuân thủ. Khi gặp thông tin chưa rõ, GV và PH cần thể hiện cho HS thấy quy trình kiểm tra như tìm nguồn gốc, đối chiếu nhiều nguồn và hỏi người có trách nhiệm.

Việc nêu gương như vậy giúp HS nhận thấy kiểm chứng thông tin và bảo vệ quyền riêng tư là những nguyên tắc được áp dụng trong thực tế.

Bảo đảm khả năng triển khai trong các điều kiện thiết bị khác nhau: Mô hình cần được thiết kế để các trường tiểu học trong và ngoài phường tham khảo, áp dụng kể cả khi số lượng thiết bị hoặc khả năng kết nối Internet của các trường còn hạn chế. GV có thể tổ chức hoạt động bằng tranh, thẻ tình huống, bảng lớp, sách thư viện, kể chuyện, đóng vai, thảo luận nhóm và phiếu phối hợp gia đình. Nhà trường không nên yêu cầu HS sử dụng tài khoản cá nhân, cung cấp dữ liệu riêng hoặc mang điện thoại đến lớp. Trong trường hợp cần dùng nền tảng trực tuyến, GV nên ưu tiên tài khoản do nhà trường quản lý và chuẩn bị phương án thay thế cho HS không có thiết bị.

4. Kết luận

Mô hình “3 xây - 3 chống - 3 lan tỏa” được triển khai từ tháng 01/2026 đến tháng 5/2026 cho 205 HS lớp 4-5 tại Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm đã cho thấy tính khả thi trong điều kiện tổ chức giáo dục thông thường của nhà trường. Mô hình không tạo thêm một chương trình độc lập mà kết nối giáo dục giá trị, văn hóa học đường, kỹ năng số, an toàn mạng, phòng chống bắt nạt và phối hợp gia đình trong một khung hành vi thống nhất (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024). Kết quả quan sát và hồ sơ hoạt động cho thấy HS có chuyển biến rõ hơn trong quy trình dừng lại, kiểm tra, hỏi người lớn, bảo vệ thông tin cá nhân, xin phép trước khi chia sẻ hình ảnh, dùng lời tôn trọng và báo cáo hành vi bắt nạt. GV có công cụ cụ thể hơn để tích hợp và đánh giá; PH dễ phối hợp hơn khi hướng dẫn ngắn, thống nhất và không mang tính cấm đoán. Giá trị chính của mô hình nằm ở cách chuyển những yêu cầu rộng của chuyển đổi số và giáo dục con người thành công việc hằng ngày có thể thực hiện, quan sát và điều chỉnh. Để tiếp tục hoàn thiện, nhà trường cần chuẩn hóa bộ công cụ trước - sau, xây kho tình huống dùng chung, duy trì cơ chế phối hợp gia đình, bổ sung quy trình hỗ trợ khi có vụ việc thật và theo dõi trong thời gian dài hơn.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Công văn số 3139/BTTTT-KTS&XHS, ngày 31/7/2024 về Khung kỹ năng số cơ bản dành cho người dân (Phiên bản 1.0)*.
- Choi, M. (2016). A concept analysis of digital citizenship for democratic citizenship education in the internet age. *Theory & Research in Social Education, 44*(4), 565-607. DOI: 10.1080/00933104.2016.1210549.
- Law, N., Woo, D., de la Torre, J., & Wong, G. (2018). *A Global Framework of Reference on Digital Literacy Skills for Indicator 4.4.2*. UNESCO Institute for Statistics.
- Livingstone, S., Stoilova, M., & Nandagiri, R. (2019). *Children's data and privacy online: Growing up in a digital age*. London: London School of Economics and Political Science.
- OECD (2018). *Preparing Our Youth for an Inclusive and Sustainable World: The OECD PISA Global Competence Framework*. Invited key-note address presented at the NILS (Network for the Internationalisation of Teacher Education in Sweden) Conference 2021, University West, Sweden, 14 October 2021.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp (2025). *Kế hoạch số 257/KH-SGDĐT, ngày 01/10/2025 về Chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Đồng Tháp năm 2025*.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”*.
- UNESCO (2018). *UNESCO ICT Competency Framework for Teachers (ICT CFT), Version 3*. Paris: UNESCO [19986]. (ISBN: 978-92-3-100285-4).
- UNICEF (2017). *The State of the World's Children 2017: Children in a Digital World*. 3 United Nations Plaza, New York, NY 10017, Hoa Kỳ. (ISBN 978-92-806-4930-7).
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2025). *Kế hoạch số 222/KH-UBND, ngày 09/9/2025 về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025*.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. (2026). *Kế hoạch số 574/KH-UBND, ngày 04/5/2026 về phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2026 của tỉnh Đồng Tháp*.
- Vuorikari, R., Kluzer, S., & Punie, Y. (2022). *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens*. Publications Office of the European Union. Doi 10.2760/115376 (online), 10.2760/490274 (print).